TÒA ÁN ND HUYỆN LẠNG GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
TỈNH BẮC GIANG	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2021/HNGĐ-ST.
Ngày 30/9/2021.
V/v tranh chấp hôn nhân, gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG, BẮC GIANG

***Thành phần HĐXX sơ thẩm gồm có*:**

- *Thẩm phán sơ cấp - chủ toạ phiên toà*: Bà Trần Thị Hằng.

- *Hội thẩm nhân dân:* Ông Đồng Văn Diện và ông Nguyễn Quang Vinh.

- ***Thư ký ghi biên bản phiên toà*:** Bà Ngô Thị Thủy – Thư ký Tòa án.

- ***Đại diện VKS nhân dân huyện Lạng Giang tham gia phiên tòa*:** Ông Lê Đình Tuấn - Kiểm sát viên Trung cấp.

Ngày 30/9/2021 tại trụ sở toà án nhân dân huyện Lạng Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 226/2021/TLST-HNGĐ ngày 29/7/2021 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 147/2021/QĐST-HNGĐ ngày 01/9/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2021/QĐST-DS ngày 14/9/2021, giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1976 – (Xin vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn N, xã Quang Thịnh, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

+ Bị đơn: Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1973 – (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn N, xã Quang Thịnh, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Tại đơn khởi kiện tranh chấp hôn nhân gia đình, bản tự khai tiếp theo nguyên đơn chị Nguyễn Thị B trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn N kết hôn ngày 05/01/1995, trước khi cưới có tìm hiểu thỏa thuận và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đông Sơn, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc từ khi cưới đến khoảng năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày do tính tình vợ chồng không hợp, luôn bất đồng quan điểm trong kinh tế và đã sống ly thân với nhau từ cuối năm 2020 đến nay.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị và anh N không còn nên chị thiết tha đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với anh Nguyễn Văn N.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là Nguyễn Văn Chí, sinh 1996 và Nguyễn Văn Bảo, sinh năm 1999. Hiện tại con trai lớn đã xây dựng gia đình và ở riêng, con trai thứ hai đã trưởng thành nên chị không để nghị Tòa án giải quyết về con chung.

Về tài sản, công nợ, ruộng canh tác: Vợ chồng chị đã tự thỏa thuận được với nhau về tài sản chung nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Vì điều kiện công việc nên chị B đã có đơn xin được xét xử vắng mặt. Tại phiên tòa hôm nay chị Nguyễn Thị B vắng mặt.

+ Bị đơn anh Nguyễn Văn N: Do anh N mặc dù đã được Tòa án trực tiếp giao các văn bản tố tụng theo quy định và anh N đã ký nhận các văn bản tố tụng đó, tuy nhiên do không hợp tác nên anh N không có lời khai. Tại phiên toà hôm nay anh N vắng mặt.

+ Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và HĐXX: Thẩm phán và thư ký trong quá trình giải quyết vụ án chấp hành đúng quy định của pháp luật. Thẩm phán xác định đúng mối quan hệ tranh chấp. Việc giao gửi các văn bản tố tụng và hồ sơ cho VKS nghiên cứu đầy đủ, đúng quy định; HĐXX thực hiện đúng quy định của pháp luật;

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật; Bị đơn anh Nguyễn Văn N không chấp hành đúng quy định của pháp luật, không hợp tác, không đến Tòa án để làm việc mặc dù đã được Tòa án trực tiếp tống đạt, giao đầy đủ các thủ tục tố tụng cho anh N theo đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị B vắng mặt nhưng đã có đơn xin được xét xử vắng mặt, bị đơn anh N vẫn vắng mặt lần thứ hai.

- Về quan điểm đường lối giải quyết vụ án:

Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 147; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Điều 51; Điều 56; Điều 58 Luật HNGĐ. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về lệ phí, án phí Tòa án, Xử cho chị Nguyễn Thị B được ly hôn với anh Nguyễn Văn N.

Án phí: Chị B phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

- Những yêu cầu, kiến nghị khác: Không.

XÉT THẤY

- Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ các ý kiến của các bên đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] ***Về thủ tục tố tụng và tiền tố tụng:*** Xác định đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc Trâm là hoàn toàn hợp lệ, đảm bảo đúng quy định. Tòa án đã tiến hành đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

Bị đơn anh Nguyễn Văn N đã được Tòa án tống đạt quyết định hoãn phiên tòa lần thứ nhất. Tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị B vắng mặt nhưng đã có đơn xin được xét xử vắng mặt, anh N vắng mặt lần thứ hai, do vậy HĐXX xử vắng mặt đương sự, căn cứ Điều 227; Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] ***Về thẩm quyền giải quyết vụ án*****:** Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình, các đương sự có địa chỉ cư trú tại huyện Lạng Giang. Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang giải quyết là đúng thẩm quyền và phù hợp với quy định của pháp luật được quy định tại các Điều 26; Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] ***Về căn cứ áp dụng pháp luật***: Do các bên kết hôn với nhau đã đủ điều kiện kết hôn và đã có giấy chứng nhận kết hôn hợp pháp, do vậy áp dụng các quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Luật Hôn nhân gia đình 2014 để giải quyết.

[4] ***Về nội dung vụ kiện*****:**

[4.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị B và anh Nguyễn Văn N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng hoà thuận hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày tính tình không hợp, thường xuyên bất đồng quan điểm trong kinh tế, vợ chồng đã cắt đứt quan hệ từ cuối năm 2020 đến nay, mặc dù vợ chồng vẫn chung sống cùng nhà nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không cải thiện được, phía anh N đã nhận được thông báo về việc thụ lý giải quyết vụ án và đều ký nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, tuy nhiên anh N không có bản tự khai, không thể hiện quan điểm gì của mình khi chị B có đơn xin ly hôn. Do vậy Tòa án không lấy được lời khai của anh Nguyễn Văn N.

Xét thấy mâu thuẫn giữa chị B và anh N đã trầm trọng, từ khi chị B làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn, anh N cố tình không hợp tác, không đến Tòa án để làm việc và cho đến nay phía chị B vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với anh N nên mục đích của hôn nhân không còn đạt được. Do vậy cần giải quyết cho chị Nguyễn Thị B được ly hôn với anh Nguyễn Văn N là phù hợp với các Điều 51; Điều 56; Điều 58 luật hôn nhân và gia đình.

[4.2] Về con chung: Vợ chồng chị B, anh N có 02 con chung là Nguyễn Văn Chí, sinh năm 1996 và Nguyễn Văn Bảo, sinh năm 1999. Hiện tại cả hai con chung của

vợ chồng chị B, anh N đều đã trên 18 tuổi. Phía chị Nguyễn Thị B không đề nghị giải quyết về con chung nên HĐXX không xem xét.

[4.3] Về tài sản, ruộng canh tác: Chị Nguyễn Thị B không đề nghị do vậy HĐXX không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: chị B phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của BLTTDS.

Vì các lẽ nêu trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Điều 51; Điều 56; Điều 58 Luật HNGĐ. Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, xử:

[1] **Quan hệ hôn nhân**: Xử cho chị Nguyễn Thị B được ly hôn với anh Nguyễn Văn N.

[2] **Án phí**: Chị Nguyễn Thị B phải phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Được khấu trừ 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0012345 ngày 29/7/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạng Giang.

Báo cho đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có 15 ngày kháng cáo kể từ ngày nhận được tống đạt bản án vắng mặt hoặc được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:
- Toà án tỉnh;
- VKSND huyện;
- Công an huyện;
- Thi hành án;
- UBND xã.
- Các đương sự.
- Lưu.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Hằng